TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2017/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 15 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hàng A D, sinh năm 1980, địa chỉ: Bản HS, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Hờ Thị C, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản HS, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hàng A D và chị Hờ Thị C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hàng A D, sinh năm 1980, địa chỉ: Bản HS, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Hờ Thị C, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản HS, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Hàng A D và chị Hờ Thị C nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Anh D, chị C có 02 con chung là các cháu Hàng A L, sinh ngày 30/7/2001 và Hàng A C, sinh ngày 10/5/2008. Giao các cháu Hàng A L và Hàng A C cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, cháu C thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị C được quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Anh D, chị C đã tự thỏa thuận phân chia xong về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

d. Về án phí: Anh D nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/04701 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Anh D được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã NB;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hà